

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

Số: 082603/CBTT.FCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 26 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

- Mã chứng khoán: **FCM**

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

- Điện thoại: 0226 3533038

Fax : 0226 3533897

- Email: info@feconmining.com.vn

Website: feconmining.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất soát xét giữa niên độ thay đổi 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/8/2022 tại đường dẫn: <http://feconmining.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

CV số: 220826/CV-FCM ngày 26/8/2022.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN FECON
Người được UQ CBTT



Nguyễn Hữu Thiều

Số: 220826/CV-FCM

Hà Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2022

V/v: Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất soát xét giữa niên độ thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ vào số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất đã được soát xét bởi công ty Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 có sự biến động so với cùng kỳ năm trước. Công ty cổ phần khoáng sản FECON (Mã cổ phiếu: FCM) xin được giải trình như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Thay đổi trị giá	Thay đổi tỷ lệ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174,577,984,382	189,962,488,166	(15,384,503,784)	-8%
Giá vốn hàng bán	162,515,859,722	172,478,807,483	(9,962,947,761)	-6%
Lãi gộp	12,062,124,660	17,483,680,683	(5,421,556,023)	-31%
Doanh thu hoạt động tài chính	419,868,254	86,834,678	333,033,576	384%
Chi phí tài chính	2,920,522,317	3,606,974,694	(686,452,377)	-19%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2,900,849,825</i>	<i>3,467,281,216</i>	<i>(566,431,391)</i>	<i>-16%</i>
Chi phí bán hàng	-	-	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,329,984,017	4,859,667,934	(1,529,683,917)	-31%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,231,486,580	9,103,872,733	(2,872,386,153)	-32%
Thu nhập khác	73,428,985	663,576,161	(590,147,176)	-89%
Chi phí khác	717,537	37,647,042	(36,929,505)	-98%
Lợi nhuận khác	72,711,448	625,929,119	(553,217,671)	-88%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6,304,198,028	9,729,801,852	(3,425,603,824)	-35%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,260,839,606	1,945,960,370	(685,120,764)	-35%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,043,358,422	7,783,841,482	(2,740,483,060)	-35%

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Thay đổi trị giá	Thay đổi tỷ lệ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	234,148,943,800	281,173,352,227	(47,024,408,427)	-17%
Giá vốn hàng bán	221,290,870,510	255,665,144,988	(34,374,274,478)	-13%
Lãi gộp	12,858,073,290	25,508,207,239	(12,650,133,949)	-50%
Doanh thu hoạt động tài chính	566,885,766	201,932,910	364,952,856	181%
Chi phí tài chính	4,156,385,876	4,696,637,349	(540,251,473)	-12%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	4,136,713,384	4,556,943,871	(420,230,487)	-9%
Chi phí bán hàng	582,557,844	949,609,640	(367,051,796)	-39%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,424,142,063	8,598,109,847	(3,173,967,784)	-37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,261,873,273	11,465,783,313	(8,203,910,040)	-72%
Thu nhập khác	73,428,981	732,243,016	(658,814,035)	-90%
Chi phí khác	25,235,233	50,425,926	(25,190,693)	-50%
Lợi nhuận khác	48,193,748	681,817,090	(633,623,342)	-93%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3,310,067,026	12,147,600,403	(8,837,533,377)	-73%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,260,839,606	2,082,027,403	(821,187,797)	-39%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,049,227,420	10,065,573,000	(8,016,345,580)	-80%

3. Giải trình nguyên nhân chênh lệch

Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ trên báo cáo tài chính riêng lẻ 6 tháng đầu năm 2022 giảm 35% và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2022 giảm 80% so với cùng kỳ năm trước là do:

- Doanh thu thuần hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 giảm 47 tỷ đồng, tương ứng giảm 17% so với quý cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu thuần công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2022 giảm 15,3 tỷ đồng, tương ứng giảm 8% so với quý cùng kỳ năm trước chủ yếu là do đặc thù của ngành xây dựng thì doanh thu của quý I.2022 sẽ đến từ các hợp đồng gói đầu của quý IV.2021, nhưng Quý IV.2021 tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, hầu hết các dự án xây dựng đều dừng thi công. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu của công ty sụt giảm.
- Lợi nhuận gộp hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 giảm 50% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng giảm gần 12,6 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2022 giảm 31% tương ứng giảm 5,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu ngành xây dựng đầu năm 2022 liên tục tăng mạnh như giá thép, đá, xi măng và xăng dầu đã khiến chi phí giá vốn tăng cao, trong khi các hợp đồng ký kết từ cuối năm



2021 và đang triển khai trong 6 tháng đầu năm 2022 thì đến đầu quý II mới được điều chỉnh tăng giá bán, đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến làm giảm lợi nhuận sau thuế cho kỳ 6 tháng đầu năm của toàn công ty.

- Bằng công văn này Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin được giải trình với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, các quý cổ đông và nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VP.



Phạm Trung Thành

